



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **21SHH2**

Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **07:45**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm										+0.5	Ghi chú	
1	1713056	Hoàng Tấn	Huy			1,0	☒	☐ 0	☒ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
2	18150184	Lê Văn Bảo	Long			3,0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☒ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
3	18150407	Dương Huỳnh Phương	Vy			3,0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☒ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
4	19140551	Nguyễn Thị Thanh	Tâm			6,0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☒ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
5	19160025	Trần Thị Ngọc	Nở			0,5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☒	
6	19160043	Ngô Thị Tú	Uyên			2,0	☒	☐ 0	☐ 1	☒ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
7	19200298	Nguyễn Thị Thúy	Hiên			3,5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☒ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☒	
8	20140415	Nguyễn Thị Kiều	Trang			7,5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☒ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☒	
9	20180190	Nguyễn Ngọc	Xuyến			7,5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☒ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☒	
10	20190083	Phan Thành	Phát				☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
11	20200023	Nguyễn Hoàng	Duy			5,0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☒ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
12	20200193	Nguyễn Hồng	Hiên			5,0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☒ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
13	20260024	Đặng Hồ Đăng	Nghiêm			5,5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☒ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☒	
14	21150248	Võ Thanh	Mai			4,5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☒ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☒	
15	21150250	Nguyễn Hoàng	Minh				☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
16	21150251	Nguyễn Quế	Minh			2,5	☒	☐ 0	☐ 1	☒ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☒	
17	21150253	Phan Nhật	Minh			5,5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☒ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☒	
18	21150254	Sa Thụy Ngọc	Minh				☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
19	21150255	Trần Hoàng	Minh				☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
20	21150256	Trần Ngọc Phương	Minh			2,0	☒	☐ 0	☐ 1	☒ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
21	21150257	Nguyễn Thị Kiều	My			4,0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☒ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
22	21150258	Nguyễn Thị Trà	My			4,0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☒ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
23	21150259	Đỗ Kim	Mỹ			5,0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☒ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
24	21150260	Dương Hải	Nam			1,0	☒	☐ 0	☒ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
25	21150261	Nguyễn Thị Thúy	Nga				☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	Chữ ký:	Họ, tên:	Chữ ký:	Họ, tên:	Chữ ký:
1) <i>Đỗ Ng. Thu. Tâm</i>	<i>TC</i>	<i>Nguyễn Chi. Phấn</i>	<i>Ph</i>		
2) <i>Trần L. Quang. Hà</i>	<i>TC</i>				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Xác suất thống kê**Mã học phần: **MTH00040**Lớp: **21SHH2**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **07:45**Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm	+0.5	Ghi chú
26	21150262	Lê Thảo	Ngân		<i>Thao</i>	5,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
27	21150263	Lê Thị Kim	Ngân		<i>Ngan</i>	5,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
28	21150264	Nguyễn Bảo	Ngân		<i>Pea</i>	2,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
29	21150265	Nguyễn Huỳnh Thị Kim	Ngân		<i>Kim</i>	0,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
30	21150266	Nguyễn Thị Trúc	Ngân		<i>Truc</i>	4,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
31	21150267	Phạm Võ Khánh	Ngân		<i>Phan</i>	3,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
32	21150269	Võ Thị	Ngân		<i>Thi</i>	1,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
33	21150273	Phạm Viên Như	Ngọc				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
34	21150274	Phan Nguyễn Phương	Nguyên				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
35	21150275	Nguyễn Minh	Nguyệt		<i>Minh</i>	0,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
36	21150276	Nguyễn Thị Thanh	Nhã		<i>Thanh</i>	0,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
37	21150277	Mai Thanh	Nhân		<i>Mai</i>	0,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
38	21150278	Phan Hữu	Nhân		<i>Huu</i>	0,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
39	21150280	Huỳnh Bảo Yến	Nhi		<i>Bao</i>	2,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
40	21150281	La Đoàn Uyên	Nhi		<i>Uyen</i>	5,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
41	21150282	Lê Ngọc Lan	Nhi				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
42	21150284	Lê Trần Uyên	Nhi				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
43	21150285	Nguyễn Dương Uyên	Nhi		<i>Uyen</i>	5,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
44	21150286	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi		<i>Tuyet</i>	2,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
45	21150287	Nguyễn Thảo	Nhi		<i>Thao</i>	0,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
46	21150289	Trần Dương Yến	Nhi		<i>Yen</i>	0,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
47	21150290	Trịnh Thụy Tâm	Nhi		<i>Tam</i>	4,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
48	21150293	Nguyễn Quỳnh	Như		<i>Quynh</i>	0,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
49	21150296	Huỳnh Bùi Tuyết	Nhung		<i>Huynh</i>	4,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
50	21150297	Nguyễn Phạm Yến	Oanh		<i>Yen</i>	5,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		

Cán bộ coi thi

Họ, tên: *Trần Lê Quang Hà* Chữ ký: *HL*
1) *Đỗ Ngọc Thu Tâm* Chữ ký: *DT*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Obayin Thi Min*
Chữ ký: *Obayin*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **21SHH2**

Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **07:45**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm										+0.5	Ghi chú	
51	21150298	Đỗ Nguyễn Hồng	Phát		<i>Phát</i>	3,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
52	21150299	Võ Nguyễn Tiến	Phát		<i>Ph</i>	9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
53	21150301	Trần Nguyễn Hoài	Phong		<i>Phong</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
54	21150302	Đặng Minh	Phúc		<i>ĐM</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
55	21150303	Đỗ Huỳnh Thiên	Phúc		<i>Thiên</i>	3,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
56	21150304	Trần Nguyên	Phúc				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
57	21150305	Nguyễn Thị Kim	Phụng		<i>Phụng</i>	3,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
58	21150306	Trần Thị Kim	Phước		<i>Ph</i>	5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
59	21150307	Đỗ Thị Mai	Phượng		<i>Lad</i>	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
60	21150308	Nguyễn Hồng	Phượng		<i>Phượng</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
61	21150309	Trương Mỹ	Phượng		<i>Tr</i>	0,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
62	21150310	Võ Hà Mai	Phượng				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
63	21150312	Nguyễn Thị Kim	Phượng		<i>Phung</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
64	21150313	Trần Thị	Phượng		<i>Tr</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
65	21150314	Nguyễn Lê	Quỳnh		<i>Ng</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
66	21150315	Lê Hồ Như	Quỳnh		<i>Quynh</i>	9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
67	21150316	Lê Nguyễn Diễm	Quỳnh		<i>Quynh</i>	2,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
68	21150317	Tạ Ngọc	Quỳnh				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
69	21150318	Trần Hải	Quỳnh				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
70	21150320	Trịnh Lê Như	Quỳnh		<i>Trquynh</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:	Chữ ký:	Họ, tên:	Chữ ký:	Họ, tên:
1) <i>Đoàn Nữ Thu Tâm</i>	<i>ĐNTT</i>	<i>Đỗ Nguyễn Thị Thu</i>	<i>ĐNTT</i>	
2) <i>Nguyễn Thị Phụng</i>	<i>NTPh</i>			Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21CTT3**

Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm											+0.5	Ghi chú
1	21120279	Lê Trần Minh	Khuê		<i>Minh</i>	10,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
2	21120280	Lý Minh	Khuê		<i>Minh</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
3	21120284	Lê Lâm	Lợi		<i>Lâm</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
4	21120286	Ngô Nhựt	Long		<i>Ngô</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
5	21120289	Diệp Quốc Hoàng	Nam		<i>Hoàng</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
6	21120292	Đỗ Thanh	Nghị		<i>Thanh</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
7	21120295	Nguyễn Hữu	Nghĩa		<i>Hữu</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
8	21120296	Lê Trần Như	Ngọc		<i>Trần</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
9	21120297	Phùng Lê Hoàng	Ngọc		<i>Phùng</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
10	21120298	Chiêm Bình	Nguyễn		<i>Bình</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
11	21120302	Huỳnh Trí	Nhân		<i>Trí</i>	10,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
12	21120311	Hồ	Phúc		<i>Phúc</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
13	21120313	Trần Nam	Phương		<i>Nam</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
14	21120317	Nguyễn Phan Anh	Quốc		<i>Anh</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
15	21120318	Lê Minh	Quý		<i>Minh</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
16	21120321	Nguyễn Văn	Siêu		<i>Văn</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
17	21120322	Nguyễn Dương Trường	Sinh		<i>Trường</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
18	21120323	Nguyễn Hoàng Minh	Sơn		<i>Minh</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
19	21120324	Mai Đăng Đức	Tài		<i>Đức</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
20	21120326	Đoàn Mạnh	Tân		<i>Mạnh</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
21	21120330	Phan Võ Ngọc	Thạch		<i>Ngọc</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
22	21120331	Nguyễn Anh	Thái		<i>Anh</i>	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
23	21120334	Nguyễn Đình	Thành		<i>Đình</i>	10,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
24	21120335	Nguyễn Vũ	Thành		<i>Vũ</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
25	21120336	Nguyễn Phương	Thảo		<i>Phương</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

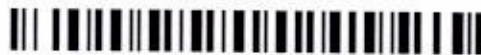
Họ, tên: *Nguyễn Vĩnh Tung* Chữ ký: *[Chữ ký]*
1).....
2) *Trần Phước Bảo* Chữ ký: *[Chữ ký]*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Nguyễn Thị Xuân Hồng* Chữ ký: *[Chữ ký]*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **21CTT3**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											+0.5	Ghi chú
26	21120339	Nguyễn Đình Nam	Thuận		<i>Thuan</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
27	21120344	Nguyễn Trọng	Trí		<i>Trí</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
28	21120346	Trương Minh	Triết		<i>Minh</i>	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
29	21120347	Nguyễn Khắc	Triệu		<i>Buu</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
30	21120348	Nguyễn Trần	Trình		<i>Trinh</i>	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
31	21120351	Nguyễn Thành	Trung		<i>Trung</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
32	21120353	Vi Lý Duy	Trường		<i>Duy</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
33	21120354	Lương Thanh	Tú		<i>Thanh</i>	10,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
34	21120359	Phạm Quang	Tuyền				v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
35	21120360	Trần Ý	Văn		<i>Yen</i>	10,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
36	21120370	Phạm Nguyễn Quốc	Vũ		<i>Quoc</i>	10,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
37	21120543	Nguyễn Đăng	Quốc		<i>Dang</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
38	21120549	Trần Bùi Thái	Sơn		<i>Son</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
39	21120560	Nguyễn Đức	Thiện		<i>Thien</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
40	21120607	Trần Thị Kim	Huỳnh		<i>Kim</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
41	21120614	Lê Hồ Thanh	Tùng		<i>Thanh</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
42	21180245	Huỳnh Nguyễn Song	Yên		<i>Song</i>	4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
43	21200371	Đặng Trần	Vinh		<i>Vinh</i>	10,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
44	21250002	Nguyễn Thị Ngọc	Phương		<i>Phuong</i>	4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
45	21250071	Trương Gia	Khang		<i>Khang</i>	4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
46	21250117	Lê Anh	Tuấn				v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Nguyễn Văn Tùng* Chữ ký: *NT*
1).....
2) *Trần Phúc Bảo* Chữ ký: *TB*

Họ, tên: *Trần Thị Yên Trang*
.....
Chữ ký: *YT*

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **21CTT3**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm											+0.5	Ghi chú
1	20110363	Cao Nguyễn Thảo	Vy		Vy	4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
2	20110364	Nguyễn Lâm	Xuyến				v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
3	20120045	Hồ Thị Kim	Chi		Chi	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
4	20120107	Phạm Đức	Huy		Đức	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
5	20120465	Hà Thị Hương	Giang		Hương	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
6	20120515	Luân Mã	Khương		Mã	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
7	20200158	Đinh Văn	Đạt		Đạt	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
8	20200217	Giả Lương	Huy		Lương	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
9	21110054	Đinh Việt	Đạt		Việt	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
10	21110079	Đặng Thị Thu	Hiền		Thu	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
11	21110110	Nguyễn Minh	Khang		Minh	4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
12	21110259	Lê Quốc	Đạt		Quốc	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
13	21110272	Nguyễn Thanh	Dũng				v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
14	21110273	Nguyễn Vũ Tiến	Dũng		Tiến	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
15	21110291	Nguyễn Tiến	Hào		Hào	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
16	21110292	Võ Trung	Hậu		Hậu	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
17	21110294	Trần Công	Hiếu		Hiếu	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
18	21120202	Dương Thiên	Bảo				v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
19	21120203	Kha Liêm	Bảo		Liêm	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
20	21120206	Trịnh Gia	Bảo		Gia	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
21	21120207	Nguyễn Thái	Bình		Thái	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
22	21120210	Lâm Nguyên	Chương		Nguyên	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
23	21120216	Huỳnh Phúc	Đạt		Phúc	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
24	21120221	Sơn Bảo	Di		Bảo	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
25	21120222	Hoàng Thị	Diệu		Thị	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) <u>Bà Kim Ngọc</u> Chữ ký: <u>Kim Ngọc</u>	Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Thị Thu Huyền</u> Chữ ký: <u>Thu Huyền</u>	Họ, tên:
2) <u>Nguyễn Thị Thu Huyền</u> Chữ ký: <u>Thu Huyền</u>	Chữ ký: <u>Nguyễn Thị Thu Huyền</u>	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **21CTT3**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm	+0.5	Ghi chú
26	21120223	Dương Hải	Đồng			7,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
27	21120227	Nguyễn Tấn	Dũng			8,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
28	21120231	Bùi Hoàng	Duy			8,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
29	21120235	Trần Anh	Duy			8,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
30	21120236	Lý Thanh Tú	Em			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
31	21120238	Nguyễn Thu	Hà			8,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
32	21120240	Nguyễn Văn	Hào			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
33	21120242	Huỳnh Thị Kiều	Hoa			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
34	21120247	Nguyễn Văn Quang	Hưng			8,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
35	21120251	Trần Quang	Hưng			6,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
36	21120252	Võ Hoàng Nam	Hưng			8,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
37	21120254	Lưu Chấn	Huy			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
38	21120256	Nguyễn Minh	Huy			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
39	21120257	Tôn Anh	Huy			7,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
40	21120262	Nguyễn Huỳnh Hữu	Khang			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
41	21120264	Biện Công	Khanh			5,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
42	21120270	Huỳnh Lê Đăng	Khoa			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
43	21120272	Trương Anh	Khoa			6,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
44	21120273	Võ Châu Đăng	Khoa			7,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
45	21120275	Huỳnh Cao	Khôi			7,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
46	21120276	Nguyễn Huỳnh	Khôi			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) Nguyễn Thị Thu... Chữ ký:

2) Bùi Văn Ngọc... Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Huỳnh Thị Yến... Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **21CTT3**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E205**

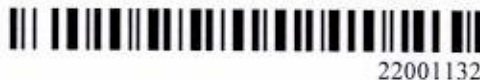
STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm											+0.5	Ghi chú
1	1711048	Nguyễn Hoàng Thiên	An			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
2	1711051	Trần Long	An			4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
3	1712809	Nguyễn Gia	Thụy			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
4	1715279	Đặng Quốc	Thăng			4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
5	1716090	Nguyễn Quỳnh	Trang				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
6	1719016	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh			3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
7	1722029	Trần Hoài	Ân				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
8	18110179	Lê Kim	Oanh				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
9	18110217	Nguyễn Xuân	Thành	1		3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
10	18110237	Cù Thị Minh	Thùy			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
11	18110254	Nguyễn Trương Bằng	Trinh			2,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
12	18120244	Võ Dương	Thuận			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
13	18150199	Nguyễn Công	Mỹ			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
14	18190183	Trần Ngọc Bảo	Trân			3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
15	19110262	Nguyễn Hà Hồng	Anh			3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
16	19110285	Nguyễn Thị Thúy	Dung			4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
17	19110304	Võ Thị Thu	Hằng			4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
18	19110327	Nguyễn Thị Cẩm	Hương			5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
19	19110361	Chu Khánh	Linh			2,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
20	19110363	Đào Khánh	Linh			3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
21	19110463	Phạm Ngọc Minh	Thư			2,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
22	19110474	Tô Trung	Tín			3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
23	19110506	Vũ Trường	Tuyền				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
24	19150254	Nguyễn Thị Tường	Vi			4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
25	19150265	Trần Thị Bé	Út			3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) <u>Đào Khánh Linh</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Cẩm Hương</u>	Họ, tên:
2) <u>Nguyễn Thị Kim Anh</u> Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21CTT3**

Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm	+0,5	Ghi chú
26	19150293	Phan Thị Mỹ	Chinh		Chinh	2,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
27	19170145	Hồ Ngọc	Giàu			6,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
28	19170234	Vũ Huỳnh Xuân	Trưởng			6,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
29	19180204	Huỳnh Lan	Chi			5,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
30	19200578	Trần Huỳnh Hoàng	Vương			4,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
31	20110065	Đặng Hải	Nam			3,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
32	20110105	Phạm Sơn	Tùng			3,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
33	20110131	Ngô Bảo	Anh			4,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
34	20110144	Bùi Ngọc Minh	Châu					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
35	20110174	Nguyễn Thương Nhật	Hà			2,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
36	20110208	Huỳnh Trí	Khang			6,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
37	20110221	Nguyễn Đặng Tấn	Kiệt			5,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
38	20110233	Hồ Đức	Lực			4,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
39	20110297	Nguyễn Như	Quỳnh			6,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
40	20110310	Nguyễn Thị Phương	Thảo			6,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
41	20110311	Trần Thị Như	Thảo			6,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
42	20110323	Tạ Thị Kiều	Tiên					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
43	20110328	Tổng Trần Tiến	Toàn					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
44	20110332	Hoàng Nguyễn Huyền	Trang			6,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
45	20110334	Tạ Huỳnh Hoài	Trang			5,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
46	20110358	Nguyễn Thị Tố	Uyên			2,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Chiên Đạt.....Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Huỳnh Thị Ngọc Hồng.....Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên:Chữ ký: <i>[Signature]</i>
2) Nguyễn Thị Kim Anh.....Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Chữ ký: <i>[Signature]</i>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **21CTT4**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											Số +	Ghi chú
1	21250093	Phan Thanh	Phi		<i>Phi</i>	3,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
2	21250105	Lê Thông	Thạo				(●)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
3	21250118	Nguyễn Văn	Tuấn		<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	1,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
4	21250127	Lê Thanh	Xuân		<i>Xuân</i>	4,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
5	21250130	Nguyễn Thiên	Ý		<i>Ý</i>	4,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
6	21280005	Trịnh Minh	Anh		<i>Trịnh Minh Anh</i>	5,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
7	21280006	Trần Hoài	Bắc		<i>Trần Hoài Bắc</i>	5,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
8	21280010	Nguyễn Minh	Duy		<i>Nguyễn Minh Duy</i>	5,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
9	21280016	Trần Minh	Hiển		<i>Trần Minh Hiển</i>	9,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
10	21280018	Trần Phi	Hùng		<i>Trần Phi Hùng</i>	10,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
11	21280019	Ngô Ngọc Hà	Khanh		<i>Ngô Ngọc Hà Khanh</i>	10,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
12	21280020	Trần An	Khánh		<i>Trần An Khánh</i>	2,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
13	21280023	Nguyễn Đăng	Khôi		<i>Nguyễn Đăng Khôi</i>	10,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
14	21280027	Y Cao	Lâm		<i>Y Cao Lâm</i>	8,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
15	21280036	Lê Trần Bảo	Ngọc		<i>Lê Trần Bảo Ngọc</i>	7,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
16	21280040	Trần Ngọc Khánh	Như		<i>Trần Ngọc Khánh Như</i>	7,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
17	21280049	Mai Chiến Vĩ	Thiên		<i>Mai Chiến Vĩ Thiên</i>	5,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
18	21280052	Lê Võ Bảo	Trâm		<i>Lê Võ Bảo Trâm</i>	6,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
19	21280053	Nguyễn Đỗ Nhã	Trúc		<i>Nguyễn Đỗ Nhã Trúc</i>	4,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
20	21280058	Trần Ngọc	Tuấn		<i>Trần Ngọc Tuấn</i>	10,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
21	21280059	Trần Thị Bích	Tuyền		<i>Trần Thị Bích Tuyền</i>	8,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
22	21280060	Trương Quang	Vinh		<i>Trương Quang Vinh</i>	6,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
23	21280066	Phạm Nhật	Hào		<i>Phạm Nhật Hào</i>	9,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
24	21280070	Võ Thị Khánh	Linh		<i>Võ Thị Khánh Linh</i>	10,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	
25	21280074	Huỳnh Thị Thu	Thoàng		<i>Huỳnh Thị Thu Thoàng</i>	8,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Văn Đức</i> Chữ ký: <i>Đức</i>	Họ, tên: <i>Huỳnh Thị Yến + Công</i>	Họ, tên:
2) <i>Đoàn Ngọc Quy</i> Chữ ký: <i>Quy</i>	Chữ ký: <i>Yến + Công</i>	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21CTT4**

Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											Số + 0.5	Ghi chú
26	21280079	Trần Tuấn	Đạt		<i>Đạt</i>	3.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
27	21280082	Nguyễn Thị Yến	Như		<i>Như</i>	7.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
28	21280083	Tạ Hoàng Kim	Thy		<i>Thy</i>	9.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
29	21280084	Đặng Thị Kim	Anh		<i>Đặng</i>	8.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
30	21280088	Nguyễn Thanh	Danh		<i>Thanh</i>	6.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
31	21280089	Nguyễn Doãn	Đồng		<i>Doãn</i>	7.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
32	21280091	Nguyễn Hải Ngọc	Huyền		<i>Huyền</i>	7.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
33	21280092	Trần Tuấn	Kha		<i>Kha</i>	8.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
34	21280096	Nguyễn Lưu Phương Ngọc	Lam		<i>Phương</i>	4.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
35	21280103	Huỳnh Lưu Vĩnh	Phong		<i>Phong</i>	5.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
36	21280104	Lâm Gia	Phú		<i>Phú</i>	4.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
37	21280107	Phạm Duy	Sơn		<i>Sơn</i>	7.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
38	21280108	Nguyễn Ngọc	Thành		<i>Thành</i>	7.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
39	21280111	Nguyễn Đặng Anh	Thư		<i>Thư</i>	10.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
40	21280112	Nguyễn Nhật Minh	Thư		<i>Thư</i>	8.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
41	21280113	Lê Quang	Trung		<i>Quang</i>	5.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
42	21280115	Trần Đức	Trung		<i>Đức</i>	9.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
43	21280120	Nguyễn Thúy	Vy		<i>Thúy</i>	9.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
44	21280123	Nguyễn Thị Lan	Diệp		<i>Lan</i>	8.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

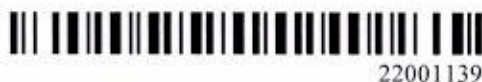
Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Nguyễn Văn Đức* Chữ ký: *Đức*
2) *Tôn Nữ Lê Trang* Chữ ký: *Trang*

Họ, tên:
Nguyễn Thị Xuân Hồng
Chữ ký: *Hồng*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **21CTT4**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0.5	Ghi chú
1	20110226	Nguyễn Ngọc	Linh				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
2	20110245	Nguyễn Thanh	Nga		<i>Thanh</i>	6,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
3	20110254	Vũ Thụy Bích	Ngọc		<i>chua</i>	5,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
4	20110264	Phan Thị Lan	Nhi		<i>La</i>	3,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
5	20110322	Lê Trần Mai	Thy		<i>Thy</i>	2,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
6	20110326	Phan Hữu	Tĩnh		<i>Phan</i>	4,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
7	20110366	Mai Thị Hoàng	Yến				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
8	20120183	Nguyễn Nhật	Tân				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
9	20120249	Nguyễn Thị Tuyết	Anh		<i>anh</i>	6,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
10	20120252	Phạm Hồng	Ánh		<i>anh</i>	4,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
11	20120266	Huỳnh Tiến	Đạt				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
12	20120462	Nguyễn Hoàng	Duy				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
13	20120626	Phạm Khánh Hoàng	Việt		<i>Pham</i>	5,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
14	20140118	Phạm Thùy	Linh				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
15	20140322	Nguyễn Đình Hiếu	Nhân		<i>nguyen</i>	3,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
16	20150247	Lê Quang Phú	Quý				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
17	20180408	Bùi Mạnh	Tuấn		<i>ba</i>	2,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
18	20200040	Trần Ngọc	Huy				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
19	20200243	Nguyễn Minh	Kỳ		<i>Ky</i>	3,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
20	20200305	Trịnh Thế	Phong				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
21	20200415	Phạm Quang	Văn		<i>Pham</i>	7,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
22	21110288	Nguyễn Sơn	Hải		<i>a</i>	6,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
23	21110326	Lê Hoài Tuấn	Kiệt		<i>Le</i>	8,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
24	21110338	Nguyễn Đức	Lượng		<i>luong</i>	4,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
25	21110346	Trần Triều	Nghi		<i>he</i>	6,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) *Nguyễn Văn Thắng* Chữ ký: *Nguyễn Văn Thắng*
2) *Nguyễn Thị Ngọc Linh* Chữ ký: *Nguyễn Thị Ngọc Linh*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Nguyễn Thị Yến Chữ ký: *Nguyễn Thị Yến*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21CTT4**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm										+0,5	Ghi chú
26	21110389	Quách Đại	Tài			8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
27	21120112	Bùi Kim	Phúc			7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
28	21120266	Lê Quang	Khánh			8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
29	21120294	Ngô Đức	Nghĩa			9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
30	21120303	Ngô Thành	Nhân			10,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
31	21120463	Lê Hữu	Hưng			9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
32	21120502	Trần Đức	Minh			10,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
33	21120604	Nguyễn Quang	Vinh			8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
34	21130235	Phạm Ngọc	Phụng			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
35	21130298	Nguyễn Ngọc Huyền	Trần					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
36	21130319	Trần Thị Bích	Vân			4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
37	21190106	Huỳnh Thị Kim	Ngân			1,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
38	21190108	Thanh Thị Kim	Ngân			4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
39	21200250	Trần Anh	Tú			2,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
40	21200331	Nguyễn Duy	Phúc			9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
41	21250011	Hồ Minh	Hưng			5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
42	21250026	Nguyễn Phương	Nhi					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
43	21250057	Lưu Thị Bích	Duyên			4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
44	21250072	Phùng Thị Hồng	Khanh			5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Văn Thành Chữ ký: Huỳnh Thị Yến Trang Chữ ký:

Họ, tên: Nguyễn Thị Ngọc Linh Chữ ký: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21CTT4**

Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm	0.5 +	Ghi chú
1	1521014	Phạm Quốc	Đạt				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
2	1615216	Lê Vũ Nhật	Minh		<i>Minh</i>	7.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
3	1711057	Nguyễn Tuấn	Anh		<i>Anh</i>	5.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
4	1711101	Hồ Ngọc	Hải				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
5	1711173	Phan Thành	Nam		<i>Phan</i>	3.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
6	1712651	Nguyễn Đức	Phát				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
7	1712735	Lương Bội	Sương		<i>Sương</i>	5.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
8	1712817	Trần Tấn	Tín		<i>Tấn</i>	8.5	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
9	1717119	Nguyễn Thị Yến	Nhi				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
10	1719222	Hà Ngọc	Trưởng				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
11	1722111	Nguyễn Quốc	Thái		<i>Quốc</i>	5.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
12	18110032	Trần Quốc	Anh				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
13	18110168	Võ Sĩ	Nguyên		<i>Sĩ</i>	6.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
14	18110246	Nguyễn Thị Thu	Trang		<i>Thu</i>	5.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
15	18120181	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng		<i>Cẩm</i>	5.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
16	18150303	Lương Hoài	Thi				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
17	18170023	Vũ Hoàng Thiên	Ân		<i>Ân</i>	2.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
18	18190055	Nguyễn Minh	Hậu		<i>Hậu</i>	4.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
19	18220094	Đỗ Thành	Tân		<i>Thành</i>	4.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
20	18600257	Bùi Hữu	Thịnh		<i>Thịnh</i>	1.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
21	19110174	Lưu Phan Thành	Tâm				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
22	19110331	Nguyễn Đức	Huy				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
23	19130186	Ngô Phước	Lợi		<i>Lợi</i>	5.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
24	19130223	Võ Trọng	Tân		<i>Tân</i>	3.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
25	19160015	Nguyễn Bá Nhật	Duy		<i>Duy</i>	1.0	○	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Duy Lợi</i> Chữ ký: <i>NĐL</i> 2) <i>Trần Quang Minh</i> Chữ ký: <i>TQM</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Yến Hồng</i> Chữ ký: <i>NTYH</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21CTT4**

Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0.5	Ghi chú
26	19170118	Thái Trần Trung	Nguyễn			4.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
27	19170146	Nguyễn Thị Triệu	Giàu			3.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
28	19170185	Nguyễn Thị Kim	Ngân			4.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
29	19170802	Võ Thị Ngọc	Nhi			2.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
30	19180273	Đào Thị Phương	Huyền				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
31	19180317	Mai Danh	Nhân			5.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
32	19180383	Đỗ Quốc	Thái			2.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
33	19190183	Nguyễn Ngọc Phương	Khanh			6.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
34	19200154	Nguyễn	Phú				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
35	19200264	Dương Thành	Đạt			4.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
36	19200334	Võ Hữu	Huy			4.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
37	19200447	Vũ Nguyễn Minh	Quang			4.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
38	20110158	Thân Đình	Dương				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
39	20110161	Nguyễn Lê Công	Duy			4.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
40	20110175	Nguyễn Đức	Hải			6.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
41	20110178	Mai Thanh	Hằng			4.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
42	20110187	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền			2.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
43	20110198	Lâm Quang	Huy			3.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
44	20110213	Trần Duy	Khánh			3.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Nguyễn Duy Lê... Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn Thị Đỗ + Lê...
Chữ ký:

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21CTT5**

Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0.5	Ghi chú
1	21120546	Nguyễn Thanh	Sang		<i>Sang</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
2	21120547	Thạch Thị	Sinh		<i>Sinh</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
3	21120548	Lâm Chanh Cô	Sol		<i>Sol</i>	5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
4	21120550	Chu Văn	Tài		<i>Tài</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
5	21120551	Đàm Tử	Tâm		<i>Tâm</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
6	21120553	Trần Thái	Tân		<i>Tân</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
7	21120555	Nguyễn Hữu	Thắng		<i>Thắng</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
8	21120557	Phí Tuấn	Thành		<i>Thành</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
9	21120561	Bùi Đức	Thịnh		<i>Thịnh</i>	4,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
10	21120562	Trần Quốc	Thịnh		<i>Thịnh</i>	5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
11	21120563	Huỳnh Thanh	Thoại		<i>Thoại</i>	1,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
12	21120565	Trần Văn	Thông		<i>Thông</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
13	21120566	Nguyễn Hữu	Thuận		<i>Thuận</i>	7,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
14	21120567	Trịnh Minh	Thuận		<i>Trịnh Minh</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
15	21120568	Lê Nguyễn Phương	Thy		<i>Thy</i>	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
16	21120569	Phạm Đình	Tiến		<i>Tiến</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
17	21120570	Đặng Nguyễn Thanh	Tín		<i>Tín</i>	8,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
18	21120573	Lê Phước Đoan	Trang		<i>Trang</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
19	21120575	Nguyễn Thành	Trí		<i>Trí</i>	5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
20	21120576	Trần Đình Nhật	Trí		<i>Trí</i>	3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
21	21120578	Trần Minh	Triết		<i>Triết</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
22	21120579	Phạm Thị Kiều	Trinh		<i>Trinh</i>	4,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
23	21120580	Trần Thị Kim	Trinh		<i>Trinh</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
24	21120581	Lê Phan Thủy	Trúc		<i>Trúc</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
25	21120584	Lê Quý	Trung		<i>Trung</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) *Nguyễn Thị Huyền* Chữ ký: *[Signature]*
2) *Lê Thị Ngọc Trang* Chữ ký: *[Signature]*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Nguyễn Duy Thong
Chữ ký: *[Signature]*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21CTT5**

Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm										+0.5	Ghi chú
26	21120587	Nguyễn Minh	Tuấn		<i>Tuấn</i>	10	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
27	21120588	Nguyễn Phước Anh	Tuấn		<i>Phước Anh</i>	4,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
28	21120589	Trương Anh	Tuấn		<i>Anh</i>	9,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
29	21120590	Nguyễn Thủy	Uyên		<i>Thủy</i>	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
30	21120592	Nguyễn Xuân	Vi		<i>Vi</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
31	21120594	Trần Công	Việt		<i>Việt</i>	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
32	21120595	Nguyễn Thành	Vinh		<i>Thành</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
33	21120600	Nguyễn Thị Như	Ý		<i>Thị Như</i>	7,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
34	21120608	Nguyễn Thiện Khánh	Đoan		<i>Đoan</i>	0,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
35	21120610	Trương Đức	Phát		<i>Đức</i>	3,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
36	21120612	Nguyễn Minh	Thuận		<i>Minh</i>	3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
37	21120616	Trương Nguyễn Huy	Vũ		<i>Huy</i>	3,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
38	21120619	Lê Quang	Ngo		<i>Quang</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
39	21250082	Nguyễn Hữu	Luân				v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
40	21280007	Đinh Minh	Chính		<i>Minh</i>	8,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
41	21280035	Nguyễn Phúc Gia	Nghi		<i>Phúc Gia</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
42	21280038	Nguyễn Trọng	Nhân		<i>Trọng</i>	10	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
43	21280047	Trần Mai Chí	Tâm		<i>Mai Chí</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
44	21280048	Bùi Quang	Thắng		<i>Quang</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
45	21280085	Lê Hồ Hoàng	Anh		<i>Hoàng</i>	3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
46	21280097	Nguyễn Hoài	Linh		<i>Hoài</i>	7,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
47	21280099	Nguyễn Công Hoài	Nam		<i>Công Hoài</i>	5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Lê Thị Ngọc Trang* Chữ ký: *Lê Thị Ngọc Trang*
2) *Nguyễn Thị Hương* Chữ ký: *Nguyễn Thị Hương*

Họ, tên:
Nguyễn Duy Thông
Chữ ký: *Nguyễn Duy Thông*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21CTT5**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **F106**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm										+0.5	Ghi chú
26	21120504	Nguyễn Phương	Nam		<i>Nam</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
27	21120506	Nguyễn Thị Kiều	Ngân		<i>Ngân</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
28	21120508	Đặng An	Nguyên		<i>Ngân</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
29	21120514	Nguyễn Thành	Nhân		<i>Nhân</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
30	21120515	Trần Phước	Nhân		<i>Phước</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
31	21120517	Nguyễn Thúc Minh	Nhật		<i>Nhật</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
32	21120519	Lê Thanh	Phát		<i>Phát</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
33	21120521	Nguyễn Phúc	Phát		<i>Phát</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
34	21120522	Phạm Vĩnh	Phát		<i>Phát</i>	0,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
35	21120523	Tiêu Ngọc	Phát		<i>Phát</i>	3,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
36	21120525	Cao Nhật	Phong		<i>Phong</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
37	21120526	Lê Văn Đan	Phong		<i>Phong</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
38	21120529	Nguyễn Gia	Phúc		<i>Phúc</i>	4,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
39	21120530	Nguyễn Hoàng	Phúc		<i>Phúc</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
40	21120531	Nguyễn Văn	Phúc		<i>Phúc</i>	0,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
41	21120535	Nguyễn Đình Hoàng	Quân		<i>Quân</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
42	21120537	Trần Huỳnh Anh	Quân		<i>Quân</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
43	21120538	Lưu Vĩnh	Quang		<i>Quang</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
44	21120539	Trần Minh	Quang		<i>Quang</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
45	21120540	Trần Tôn Bửu	Quang		<i>Quang</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
46	21120541	Hoàng Văn	Quốc		<i>Quốc</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
47	21120542	Lâm Hoàng	Quốc		<i>Quốc</i>	4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
48	21120544	Lê Minh	Sang		<i>Sang</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	1) <i>Trần Thanh Phong</i>	Họ, tên:	Nguyễn Duy Trường	Họ, tên:	
Chữ ký:	<i>Ph</i>	Chữ ký:	<i>Nhật</i>	Chữ ký:	
2) <i>TRƯƠNG HỮU NGÂN THY</i>					



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21CTT5**

Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm										Số + 0.5	Ghi chú
1	1612446	Nguyễn Hữu	Nguyễn					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
2	18600037	Nguyễn Mạnh	Cường					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
3	19120686	Trần Văn	Tĩnh		<i>Trần</i>	7,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
4	19140283	Hà Thanh Hội	An		<i>An</i>	3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
5	19210045	Phạm Bảo	Oanh		<i>Phạm</i>	1,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
6	20110159	Cù Quốc	Duy		<i>Duy</i>	0,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
7	20120118	Nguyễn Anh	Khoa		<i>Nguyễn</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
8	20120323	Nguyễn Hoàng	Long		<i>Nguyễn</i>	1,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
9	20130086	Trần Ngọc	Huy					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
10	20230045	Nguyễn Tấn	Phông		<i>Nguyễn</i>	2,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
11	20250032	Trần Nguyễn Minh	Hiếu		<i>Trần</i>	3,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
12	21110003	Trần Nguyễn Nam	Hưng		<i>Trần</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
13	21120393	Nguyễn Hữu	Thương		<i>Nguyễn</i>	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
14	21120394	Nguyễn Hoàng Ngọc	Bảo		<i>Nguyễn</i>	5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
15	21120402	Trương Hoàng	Nhân		<i>Trương</i>	4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
16	21120406	Lê Viết Đạt	Trọng		<i>Lê</i>	3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
17	21120407	Trần Phan Phúc	Ân		<i>Trần</i>	8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
18	21120408	Đặng Tuấn	Anh		<i>Đặng</i>	10	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
19	21120409	Nguyễn Đức Duy	Anh		<i>Nguyễn</i>	7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
20	21120412	Trần Gia	Bách		<i>Trần</i>	5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
21	21120414	Hà Quốc	Bảo		<i>Hà</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
22	21120418	Nguyễn Chí	Công		<i>Nguyễn</i>	3,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
23	21120420	Lê Huỳnh	Cường		<i>Lê</i>	9,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
24	21120421	Nguyễn Chí	Cường		<i>Nguyễn</i>	10	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
25	21120423	Phạm Mạnh	Cường		<i>Phạm</i>	9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: *Võ Thị Diệp* Chữ ký: *Diệp*
1) *Đinh Thị Kim Loan* Chữ ký: *Loan*
2) *Đinh Thị Kim Loan* Chữ ký: *Loan*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Nguyễn Duy Thông* Chữ ký: *Thông*
Nguyễn Duy Thông Chữ ký: *Thông*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21CTT5**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm										+0.5	Ghi chú
26	21120424	Nguyễn Đình Phương	Đại		<i>Đại</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
27	21120425	Hứa Phúc	Đăng		<i>Đăng</i>	4,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
28	21120426	Huỳnh Phát	Đạt		<i>Đạt</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
29	21120428	Lương Thành	Đạt		<i>Thành Đạt</i>	4,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
30	21120429	Lưu Kiến	Đạt		<i>Kiến</i>	3,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
31	21120430	Ngô Tuấn	Đạt		<i>Tuấn</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
32	21120432	Vũ Tiến	Đạt		<i>Đạt</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
33	21120434	Bùi Tiến	Dũng		<i>Tiến</i>	5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
34	21120435	Lê Phan Xuân	Dũng		<i>Phan Xuân</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
35	21120437	Châu Thanh	Dương		<i>Thanh Dương</i>	5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
36	21120439	Bùi Minh	Duy		<i>Minh</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
37	21120440	Chu Quang	Duy		<i>Quang</i>	5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
38	21120442	Trần Đăng	Duy		<i>Đăng</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
39	21120443	Phạm Thế	Duyệt		<i>Thế Duyệt</i>	6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
40	21120445	Lê Thanh	Hải		<i>Thanh</i>	2,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
41	21120446	Kiên Đình Mỹ	Hạnh		<i>Đinh Mỹ</i>	2,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
42	21120447	Nguyễn Nhật	Hào		<i>Ngày</i>	8,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
43	21120450	Trương Thế	Hiển		<i>Thế</i>	9,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
44	21120451	Lê Bảo	Hiếu		<i>Bảo</i>	4,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
45	21120453	Tô Phương	Hiếu		<i>Phương</i>	10	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
46	21120454	Nguyễn Đức	Hoài		<i>Đức</i>	6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
47	21120455	Trương Văn	Hoài		<i>Văn</i>	10	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
48	21120456	Khuu Tấn	Hoàng		<i>Tấn</i>	2,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Ngô Thị Diệu*
1).....Chữ ký: *Ngô Thị Diệu*
2).....Chữ ký: *Đinh Thị Kim Liên*

Họ, tên: *Nguyễn Duy Thống*
.....Chữ ký: *Nguyễn Duy Thống*

Họ, tên:
.....Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **21TNT1**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm	+0.5	Ghi chú
1	21120369	Nguyễn Minh	Vũ		<i>MV</i>	6	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
2	21120378	Đỗ Hữu Huy	Hoàng		<i>Hoàng</i>	8.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
3	21120415	Trần Ngọc	Bảo		<i>Bao</i>	6	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
4	21120422	Nguyễn Chí	Cường		<i>Cường</i>	7	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
5	21120427	Lê Thành	Đạt		<i>Đạt</i>	6	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
6	21120462	Đỗ Khải	Hưng		<i>ĐKH</i>	9.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
7	21120471	Phan Gia	Huy		<i>Huy</i>	8.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
8	21120478	Nguyễn Duy	Khang		<i>Khang</i>	8.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
9	21120479	Phạm Long	Khánh		<i>Phạm</i>	8	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
10	21120482	Thổ Anh	Khoa		<i>Khoa</i>	10	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
11	21120483	Nguyễn Anh	Khôi		<i>Khôi</i>	4	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
12	21120490	Trần Tuấn	Kiệt				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
13	21120498	Đỗ Hoàng	Long		<i>ĐHL</i>	6	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
14	21120509	Trần Khang	Nguyên		<i>TKN</i>	5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
15	21120511	Lê	Nguyễn		<i>Lê</i>	5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
16	21120516	Võ Bá Hoàng	Nhất		<i>Nhất</i>	10	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
17	21120527	Nguyễn Thế	Phong		<i>NTPh</i>	7	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
18	21120528	Nguyễn Tuấn	Phong		<i>NTPh</i>	6.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
19	21120533	Lê Thị Minh	Phương		<i>LTM</i>	7	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
20	21120554	Lê Văn	Tấn		<i>LVT</i>	10	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
21	21120556	Trần Kỳ	Thanh		<i>TKT</i>	10	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
22	21120558	Phùng Hoài	Thị		<i>PTH</i>	9.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
23	21120574	Nguyễn Minh	Trí		<i>NMT</i>	8	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
24	21120582	Đinh Hoàng	Trung		<i>DHT</i>	7	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
25	21120583	Hoàng Thế	Trung		<i>HTT</i>	5.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		

Cán bộ coi thi

Họ, tên: 1) *Trần Lê Quang Huy*.....Chữ ký: *TLQH*
2) *Nguyễn Thị Phương*.....Chữ ký: *NTPh*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Lê Trần*
Chữ ký: *LT*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **21TNT1**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm	+ 0.5	Ghi chú
26	21120585	Lê Anh	Tú			7.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
27	21120586	Nguyễn Minh	Tú			5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
28	21120593	Võ Hoàng Hoa	Viên			10	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
29	21120596	Trần Đoàn Thanh	Vinh			8.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
30	21120597	Mai Huy	Vũ			6	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
31	21120598	Ngô Ngọc	Vũ			6	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
32	21120602	Võ Ngọc	Trí			5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
33	21120603	Nguyễn Thị Hồng	Nhung			9	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
34	21130010	Lê Thượng Phương	Anh			5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
35	21130042	Trần Kiến	Hoà			4	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
36	21130049	Dương Minh	Khang			6	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
37	21140452	Lê Vinh	Phát			4	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
38	21150221	Nguyễn Nhựt	Huỳnh				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
39	21190031	Trần Anh	Quang			2	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
40	21190083	Lê Thị Khánh	Huyền				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
41	21190148	Hà Minh	Thông			4	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
42	21200166	Lý Tuấn	Phát			8.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
43	21200324	Trần Quang	Nhựt			5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Trần Lê Quang Hà Chữ ký:

Họ, tên: Trần Lê Quang Hà Chữ ký:

Họ, tên: Lê Trần Chữ ký:

Họ, tên: Trần Lê Quang Hà Chữ ký:

Họ, tên: Trần Lê Quang Hà Chữ ký:

Họ, tên: Trần Lê Quang Hà Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **21TNT1**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											+0.5	Ghi chú
1	1615173	Trương Hàn	Khuyên				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
2	1712333	Tạ Tiến Thành	Đạt				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
3	1712371	Nguyễn Văn	Dương				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
4	1712696	Võ Hoàng	Quân				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
5	1715340	Đinh Thị Ngọc	Trâm		Trâm	3	○	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
6	1717020	Dương Lê Tú	Anh				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
7	1719166	Lê Văn	Sỹ				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
8	1720048	Nguyễn Thành	Đạt				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
9	1720077	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Hải				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
10	1720227	Nguyễn Thái	Thiện		Thiện	3	○	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
11	1721040	Nguyễn Vũ Đoàn	Thảo		Thảo	3	○	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
12	1722112	Hoàng Lam	Thảo		Thảo	6	○	0	1	2	3	4	5	●	6	7	8	9	10	○
13	18110135	Kiều Hoàng	Long		Long	3	○	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
14	18120267	Nguyễn Hoàng Cao	Sơn				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
15	18160037	Võ Trúc	Phương		Phương	3	○	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
16	18170070	Lý Ngọc	Ngân				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
17	18170084	Nguyễn Trần Thanh	Nhi				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
18	18190021	Phùng Bá Hoàng	Anh		Anh	2	○	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
19	18200088	Lê	Duy		Duy	3	○	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
20	18200104	Trần Nhuận Trọng	Hiếu				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
21	18200238	Trịnh Quang	Thế		Thế	2	○	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
22	19110305	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		Hạnh	5	○	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	○	
23	19140133	Phan Quang	Đạt		Đạt	3	○	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
24	19170029	Hoàng Huy	Đông		Huy	3	○	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
25	19170120	Nguyễn Trần	An		An	5	○	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	○	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: Ng. Quý Quốc Nam Chữ ký: N
1) Ng. Quý Quốc Nam Chữ ký: N
2) Ng. Thị Hồng Nhung Chữ ký: N

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Lê Trần
Chữ ký: Châu

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **21TNT1**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	19170140	Giang Hoàng Khánh	Duy				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
27	19170157	Đỗ	Hùng				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
28	19180444	Nguyễn Anh	Tuấn		<i>tuấn</i>	7	v	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○	
29	19200342	Nguyễn Duy	Khánh				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
30	19200352	Trần Nguyễn Trung	Kiên				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
31	19200448	Phạm Phú	Quý		<i>ph</i>	3	v	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○	
32	19200512	Bùi Minh	Thuận		<i>B</i>	6	v	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○	
33	19200536	Nguyễn Hoài	Trọng		<i>Trọng</i>	6	v	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○	
34	19220074	Đặng Thị Thùy	Trang		<i>th</i>	3	v	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○	
35	20110329	Trịnh Thị Bích	Trâm		<i>Trâm</i>	4	v	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○	
36	20120425	Phạm Trọng	An		<i>AP</i>	6	v	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○	
37	20190112	Nguyễn Lâm	Trường		<i>ng</i>	3	v	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○	
38	20200258	Phạm Doãn	Lương		<i>Do</i>	5	v	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○	
39	20200361	Lê Tự	Tiến		<i>LT</i>	1	v	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
40	20200419	Nguyễn Duy	Vinh		<i>du</i>	3	v	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○	
41	20280066	Trần Lê	Minh				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
42	21120001	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân		<i>ng</i>	5	v	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○	
43	21120004	Ninh Quốc	Bào		<i>Bao</i>	10	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ● 10	○	
44	21120006	Nguyễn Hải	Chấn		<i>Ch</i>	10	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ● 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) Nguyễn Thị Hồng Nhung.....Chữ ký: *nh*
2) Ngô Thị Quý Nam.....Chữ ký: *nl*

Họ, tên: *Le Tran*
Chữ ký: *lha*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **21TNT1**Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm										+0.5	Ghi chú	
1	21120007	Nguyễn Thanh Hùng	Cường			4	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
2	21120008	Huỳnh Minh	Đức			7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
3	21120010	Nguyễn Xuân	Hiếu			5.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
4	21120011	Võ Trung Hoàng	Hưng			5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
5	21120015	Trần Nam	Khánh			10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
6	21120017	Dương Minh	Lợi			6.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
7	21120027	Nguyễn Lê Hải	Sơn			7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
8	21120028	Nguyễn Phúc	Tân			5.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
9	21120046	Lê Phan Minh	Đạt			8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
10	21120056	Nguyễn Đăng Tường	Duy			6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
11	21120071	Nguyễn Thị Thanh	Hoa			9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
12	21120075	Trần Minh	Hoàng			5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
13	21120081	Phạm Thái	Huy			9.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
14	21120111	Phan Lê Đắc	Phú			7.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
15	21120136	Nguyễn Tiến	Thành			10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
16	21120139	Lê Long Trường	Thịnh			7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
17	21120149	Nguyễn Đăng Thới	Toàn			7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
18	21120153	Võ Thu	Trang			10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
19	21120157	Lê Phạm Hoàng	Trung			9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
20	21120161	Tiêu Ân	Tuấn			5.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
21	21120168	Nguyễn Thị Trúc	Vy			9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
22	21120174	Nguyễn Thị	Gái			7.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
23	21120175	Tô Ngọc	Hân			8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
24	21120178	Văn Bá Bảo	Huy			8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
25	21120180	Nguyễn Bích	Khuê			6.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

Họ, tên: *Hà Thanh Hằng* Chữ ký: *Hà Thanh Hằng*
1).....
2).....
Chữ ký: *Hà Thanh Hằng*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Lê Trần*
.....
Chữ ký: *Lê Trần*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **21TNT1**

Ngày thi: **19/04/2022** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										+0.5	Ghi chú
26	21120205	Nguyễn Tạ	Bảo		<i>Bảo</i>	6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
27	21120209	Phạm Bách	Chiến		<i>Bách</i>	8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
28	21120224	Lê Huy	Đức		<i>Lê Huy</i>	3	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
29	21120237	Nguyễn Hà Hạnh	Giang		<i>Giang</i>	7.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
30	21120255	Nguyễn Đặng Nhật	Huy		<i>Ngay</i>	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
31	21120260	Hồ Duy	Khang		<i>Hồ Duy</i>	9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
32	21120268	Nguyễn Việt	Khánh		<i>Việt</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
33	21120278	Phùng Đoàn	Khôi		<i>Phùng</i>	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
34	21120285	Huỳnh	Long		<i>Huỳnh</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
35	21120291	Nguyễn Đức	Nam		<i>Nam</i>	9.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
36	21120293	Lê Nguyễn Trọng	Nghĩa		<i>Lê Trọng</i>	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
37	21120312	Phan Nguyên	Phương		<i>Phan</i>	9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
38	21120314	Hồ Lê Minh	Quân		<i>Minh</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
39	21120316	Trần Hoàng	Quân		<i>Trần</i>	8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
40	21120329	Võ Duy	Tân		<i>Võ Duy</i>	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
41	21120345	Nguyễn Văn	Trí		<i>Trí</i>	5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
42	21120350	Nguyễn Quốc	Trung		<i>Quốc</i>	6.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
43	21120355	Nguyễn Anh	Tú		<i>Anh</i>	6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
44	21120365	Tô Hiến	Vinh		<i>Hiến</i>	9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Hà. Thùy Hằng* Chữ ký: *Hà*

Họ, tên: *Lê Trần* Chữ ký: *Lê Trần*

Họ, tên: *Nguyễn Văn* Chữ ký: *Nguyễn Văn*

2) *Vũ. Nguyễn* Chữ ký: *Vũ*

Chữ ký: *Nguyễn Văn*

Chữ ký: *Nguyễn Văn*



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **21CMT1**

Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **10:15**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0.5	Ghi chú
1	21220107	Nguyễn Ngọc Phương	Mai			5.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
2	21220108	Nguyễn Thị Ngọc	Mai			7.5	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
3	21220109	Nguyễn Thị Tuyết	Mai			2.5	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
4	21220110	Trần Thị Thanh	Mai			4.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
5	21220111	Lê Quang	Minh			3.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
6	21220112	Nguyễn Dương Hoài	Nam				(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
7	21220113	Nguyễn Thị Thanh	Ngân			2.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
8	21220116	Trần Bảo	Ngọc			1.5	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
9	21220117	Nguyễn Trương Hoàng	Nguyên			2.5	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
10	21220118	Ngô Thanh	Nhàn			5.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
11	21220120	Vòng Ngọc Vân	Nhi			7.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
12	21220121	Nguyễn Thành	Nhơn				(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
13	21220122	Nguyễn Huỳnh	Như			3.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
14	21220123	Lê Hồng	Phát			7.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
15	21220124	Huỳnh Minh	Phú			9.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
16	21220125	Lê Duy	Phương			5.5	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
17	21220126	Trần Thị Vy	Phương			4.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
18	21220128	Nguyễn Lê Tấn	Quốc			3.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
19	21220129	Phạm Phú	Quốc			6.5	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
20	21220130	Trần Thị Mỹ	Quyên			3.5	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
21	21220132	Thạch Hồng Bảo	Sơn			5.5	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
22	21220133	Lê Nguyễn Ngọc	Thanh			3.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
23	21220134	Nguyễn Minh	Thanh			8.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
24	21220135	Nguyễn Phương	Thảo			2.0	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												
25	21220136	Nguyễn Thị Thanh	Thảo			6.5	(v)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)												

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) Tham Minh Chữ ký:
2) Trần Thanh Thảo Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Đỗ Đức Cường
Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21CMT1**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **10:15**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm	+0.5	Ghi chú
26	21220139	Nguyễn Đức	Thịnh		<i>Thịnh</i>	2.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
27	21220141	Trần Hùng	Tiến		<i>Trần Hùng</i>	5.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
28	21220143	Ngô Lê Ngọc	Trâm		<i>Ngô Lê Ngọc</i>	1.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
29	21220144	Đỗ Ngọc	Trâm		<i>Đỗ Ngọc</i>	9.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
30	21220145	Nguyễn Trần Minh	Trang		<i>Nguyễn Trần Minh</i>	6.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
31	21220146	Lương Nguyễn Khắc	Triệu		<i>Lương Nguyễn Khắc</i>	8.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
32	21220147	Đặng Thị Tuyết	Trinh		<i>Đặng Thị Tuyết</i>	1.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
33	21220148	Nguyễn Thế	Trung		<i>Nguyễn Thế</i>	3.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
34	21220149	Lê Nhật	Trường		<i>Lê Nhật</i>	8.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
35	21220151	Lê Minh	Tuấn		<i>Lê Minh</i>	7.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
36	21220152	Phan Thanh	Tuấn		<i>Phan Thanh</i>	4.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
37	21220153	Trần Lê Minh	Tuấn		<i>Trần Lê Minh</i>	5.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
38	21220155	Vũ Cát	Tường		<i>Vũ Cát</i>	3.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
39	21220157	Nguyễn Lê Mai	Uyên		<i>Nguyễn Lê Mai</i>	5.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
40	21220158	Nguyễn Trần Anh	Uyên		<i>Nguyễn Trần Anh</i>	5.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
41	21220160	Nguyễn Thị Tuyết	Vân		<i>Nguyễn Thị Tuyết</i>	5.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
42	21220161	Phan Thanh	Vân				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
43	21220162	Nguyễn Lâm Trường	Vân		<i>Nguyễn Lâm Trường</i>	5.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
44	21220163	Lê Thái Anh	Vy		<i>Lê Thái Anh</i>	5.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
45	21220166	Trần Phượng Như	Ý		<i>Trần Phượng Như</i>	9.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) *Đào Thanh Phong* Chữ ký: *Đào Thanh Phong*
2) *Phạm Minh* Chữ ký: *Phạm Minh*

Họ, tên: *Đỗ Đức Cường*
Chữ ký: *Đỗ Đức Cường*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **21CMT1**

Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **10:15**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											+0.5	Ghi chú
1	1615048	Đặng Phương	Đức		<i>Đức</i>	7.0	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
2	1615173	Trương Hàn	Khuyên				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
3	1615216	Lê Vũ Nhật	Minh		<i>Minh</i>	9.0	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
4	1619064	Võ Duy	Hiển		<i>Hiển</i>	5.0	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
5	1712685	Trần Huy	Phượng		<i>Huy</i>	9.0	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
6	1760472	Đinh Bảo	Long				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
7	18110151	Nguyễn Bạch Ngọc	My		<i>My</i>	10	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
8	18150045	Nguyễn Thị Kim	Yến				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
9	18150065	Văn Hoàng Bảo	Anh		<i>anh</i>	6.5	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
10	18150126	Lê Võ Bảo	Hậu		<i>Hậu</i>	7.0	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
11	18170056	Trần Nguyễn Phương	Khanh				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
12	19120672	Nghiêm Phương	Thông				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
13	19170807	Lê Duy	Khoa				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
14	19180273	Đào Thị Phương	Huyền				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
15	19220087	Lương Ngọc Quỳnh	Anh		<i>Quỳnh</i>	7.5	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
16	19220126	Nguyễn Thị Ngọc	Lan		<i>Ngọc</i>	5.5	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
17	19220150	Lê Thị Mỹ	Nhung		<i>Mỹ</i>	5.0	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
18	19220168	Đặng Công	Thành		<i>Thành</i>	5.0	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
19	20110112	Đỗ Thành	Vinh		<i>Thành</i>		●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
20	20120140	Nguyễn Đăng	Nam		<i>Nam</i>	7.5	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
21	20120153	Phạm Thị Quỳnh	Như		<i>Quỳnh</i>	7.5	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
22	20120206	Nguyễn Ngọc	Thùy		<i>Thùy</i>	8.0	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
23	20120209	Nguyễn Nhật	Tiến		<i>Nguyễn</i>	8.5	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
24	20120331	Phan Tài Nhật	Minh		<i>Phan</i>	10	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
25	20120513	Trần Đức	Khoa		<i>Trần</i>	9.5	✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) *Đào Thanh Mai* Chữ ký: *Đào Thanh Mai*
2) *Lê Văn Ân* Chữ ký: *Lê Văn Ân*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Đỗ Đức Cường Chữ ký: *Đỗ Đức Cường*
Phạm Văn Khoa Chữ ký: *Phạm Văn Khoa*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21CMT1**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **10:15**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										+0.5	Ghi chú	
26	20120581	Nguyễn Thị Ngọc	Thành			8.0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☒ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
27	20120589	Nguyễn Hạnh	Thư			9.0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☒ 9	☐ 10	☐	
28	20120609	Nguyễn Hoàng	Trung			9.0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☒ 9	☐ 10	☐	
29	20130054	Ngô Việt	Hiếu			10	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☒ 10	☐	
30	21110193	Ngô Thị Mỹ	Tiên			9.5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☒ 9	☐ 10	☒	
31	21120058	Phạm Nhật	Duy			10	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☒ 10	☐	
32	21120066	Tô Tấn	Hiệp			10	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☒ 10	☐	
33	21120067	Nguyễn Hoàng	Hiếu			9.0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☒ 9	☐ 10	☐	
34	21120082	Phan Quốc	Huy			10	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☒ 10	☐	
35	21120085	Võ Gia	Khang			8.0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☒ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
36	21120108	Nguyễn Tiến	Nhật			6.0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☒ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
37	21120119	Hứa Minh	Quân			10	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☒ 10	☐	
38	21120127	Lê Hoàng	Sơn			9.5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☒ 9	☐ 10	☒	
39	21120140	Trần Gia	Thịnh			10	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☒ 10	☐	
40	21120144	Phạm Phúc	Thuần			7.5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☒ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☒	
41	21120148	Trần	Tiến			9.5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☒ 9	☐ 10	☒	
42	21120150	Nguyễn Song	Toàn			10	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☒ 10	☐	
43	21120158	Trương Công	Trung			9.0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☒ 9	☐ 10	☐	
44	21120169	Thái Chí	Vỹ			9.0	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☒ 9	☐ 10	☐	
45	21120183	Trần Anh	Tài			8.5	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☒ 8	☐ 9	☐ 10	☒	
46	21120201	Bùi Đình	Bảo			10	☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☒ 10	☐	
							☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
							☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
							☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	
							☒	☐ 0	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5	☐ 6	☐ 7	☐ 8	☐ 9	☐ 10	☐	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Trần Thanh Mai* Chữ ký: *Tran Thanh Mai*Họ, tên: *Đỗ Đức Cường* Chữ ký: *Do Duc Cuong*

Họ, tên:

2) *Lý Văn An* Chữ ký: *Ly Van An*

Chữ ký:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21CMT1**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **10:15**Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										+ 0.5	Ghi chú	
1	21220024	Nguyễn Đăng	Khải			8.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
2	21220038	Ninh Hoàng	Phi			6.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
3	21220041	Nguyễn Thị Mai	Phương			5.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
4	21220044	Hà Huỳnh Quốc	Thái			9.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
5	21220052	Trương Hải	Triều			5.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
6	21220053	Nguyễn Thanh	Tuấn					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
7	21220058	Nguyễn Kim Vân	Anh			9.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
8	21220059	Thân Thị Ngọc	Anh			9.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
9	21220060	Trần Đức	Anh					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
10	21220061	Văn Trần Phương	Anh			2.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
11	21220062	Nguyễn Vũ Kim	Ánh			4.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
12	21220064	Ngô Đình	Bách					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
13	21220065	Phan Thế Thống	Bách			5.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
14	21220066	Phạm Lê Khánh	Bào			5.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
15	21220068	Nguyễn Thị Mỹ	Chi			6.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
16	21220069	Lê Thị Châu	Đang			6.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
17	21220070	Nguyễn Lê Hải	Đăng			7.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
18	21220071	Dương Đỗ Thành	Danh			5.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
19	21220072	Nguyễn Tiến	Đạt			5.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
20	21220075	Nguyễn Hoàng	Duy			5.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
21	21220077	Trần Thị Hương	Giang			8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
22	21220078	Lê Thanh	Hải			6.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
23	21220079	Trần Tuấn	Hải			8.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
24	21220080	Hồ Thị Trung	Hiếu					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
25	21220081	Ngô Thị Mỹ	Hoa			2.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1) <i>Vu Ngọc Bạ</i> Chữ ký: <i>VNB</i>	Đỗ Đức Cường	
2) <i>Trần Thị Tuyết Lan</i> Chữ ký: <i>TL</i>	Chữ ký: <i>DDC</i>	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21CMT1**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **10:15**Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	21220084	Trương Đức	Hùng			5.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
27	21220086	Nguyễn Gia	Hưng			2.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
28	21220087	Thái Thành	Hưng			3.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
29	21220088	Phạm Quỳnh	Hương			4.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
30	21220090	Nguyễn Đình Gia	Huy				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
31	21220091	Nguyễn Trần Đức	Huy			5.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
32	21220092	Nại Thành Tuấn	Khải			3.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
33	21220093	Nguyễn Thế	Khang			3.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
34	21220094	Hồng Nguyễn Văn	Khanh			7.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
35	21220095	Trần Đình	Khiêm			4.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
36	21220096	Trần Minh	Khoa			8.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
37	21220097	Việt Đăng	Khoa			6.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
38	21220098	Mộc Hà Tuấn	Kiệt			9.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
39	21220100	Phạm Thị Thu	Liễu			9.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
40	21220101	Ngô Nguyễn Hà	Linh				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
41	21220102	Ngô Trần Phương	Linh				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
42	21220103	Nguyễn Thị Vân	Linh			6.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
43	21220104	Vương Thị Yến	Linh			5.0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
44	21220105	Ô Mỹ	Loan			7.5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
45	21220106	Nguyễn Thị	Lụa			10	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1)	Họ, tên:	Họ, tên:
2)	Chữ ký:	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21CSH1**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										+0.5	Ghi chú
1	21180123	Nguyễn Khánh	Thy		<i>Thy</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
2	21180128	Phạm Trọng	Tĩnh		<i>Phạm</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
3	21180129	Nguyễn Tố	Lam		<i>Lam</i>	5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
4	21180135	Trần Huyền	Trang		<i>Trang</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
5	21180136	Nguyễn Phan Thúy	Triều		<i>Triều</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
6	21180139	Cao Thanh	Trúc		<i>Trúc</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
7	21180143	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy		<i>Thy</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
8	21180145	Nguyễn Trần Tường	Vy		<i>Thy</i>	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
9	21180146	Quách Triệu	Vy		<i>Thy</i>	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
10	21180148	Nguyễn Hồng	Ngân		<i>Ngân</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
11	21180150	Ngô Minh	Anh		<i>M. Anh</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
12	21180151	Phạm Lê Văn	Anh		<i>Anh</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
13	21180162	Phạm Đặng Phương	Dung		<i>Dung</i>	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
14	21180163	Đặng Trần	Duy		<i>D</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
15	21180164	Nguyễn Phúc Thiên	Duy		<i>Thy</i>	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
16	21180168	Tạ Trung	Hải		<i>Thy</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
17	21180170	Nguyễn Ngọc	Hậu		<i>Thy</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
18	21180173	Lê Trung	Hiếu		<i>Thy</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
19	21180177	Đặng Phạm Hoàng	Huy		<i>Huy</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
20	21180184	Lê Văn Minh	Khoa		<i>Thy</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
21	21180185	Nguyễn Đăng	Khôi		<i>Thy</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
22	21180186	Trần Ngô Minh	Khuê		<i>Thy</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
23	21180190	Nguyễn Khánh	Linh		<i>Thy</i>	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
24	21180191	Đỗ Phạm Thế	Long		<i>Thy</i>	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
25	21180192	Nguyễn Đức	Long		<i>Thy</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: *Nguyễn M.P. Diễm*
1) *Nguyễn M.P. Diễm* Chữ ký: *Thy*
2) *Lý Hoàng Nam* Chữ ký: *Thy*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Nguyễn Nhật Kim Ngân*
.....
Chữ ký: *Ngay*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21CSH1**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										+0.5	Ghi chú
26	21180195	Trương Phúc Thoại	Ngân			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
27	21180197	Nguyễn Khắc	Ngữ			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
28	21180199	Nguyễn Hoàng	Nhật		Nhật	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
29	21180203	Vũ Nguyễn Ngọc	Phan			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
30	21180206	Nguyễn Nhật	Quang			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
31	21180219	Vũ Ngọc Anh	Thư			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
32	21180228	Lê Minh	Triết			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
33	21180233	Đỗ Thị Minh	Tú			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
34	21180238	Võ Hoàng Phương	Uyên			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
35	21180239	Trần Bạch	Vân			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
36	21180240	Phạm Quang	Vũ			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
37	21180241	Lê Ngọc Yến	Vy			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
38	21180245	Huỳnh Nguyễn Song	Yên			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
39	21180248	Lê Quang	Dũng			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
40	21180249	Phan Trung	Hậu			4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
41	21180251	Nguyễn An	Thịnh			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
42	21180253	Văng Phi	Trường			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
43	21180255	Trần Lê Cát	Tường			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
44	21180256	Tạ Lý Hồng	Yến				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
45	21180257	Nguyễn Trương Minh	Ái			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
46	21180258	Huỳnh Quốc	An			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
47	21180259	Nguyễn Thị Thúy	An			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
48	21180260	Nguyễn Trường	An			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
49	21180261	Cao Hoàng Thiên	Ân			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
50	21180263	Huỳnh Nguyễn Bảo	Anh			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) <u>Lưu Hoàng Nam</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Nhật Lâm Ngân</u>	Họ, tên:
2) <u>Lưu Hoàng Nam</u> Chữ ký: <u></u>	Chữ ký: <u></u>	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21CSH1**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm	+0.5	Ghi chú
51	21180264	Huỳnh Nhật	Anh		<i>[Signature]</i>	9,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
52	21180265	Mai Hồng	Anh		<i>[Signature]</i>	7,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
53	21180266	Lê Chiêu	Bào		<i>[Signature]</i>	7,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
54	21180267	Lê Thành	Công		<i>[Signature]</i>	4,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
55	21180269	Nguyễn Anh	Đào		<i>[Signature]</i>	7,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
56	21180270	Nguyễn Huỳnh Quốc	Đạt		<i>[Signature]</i>	8,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	●	<i>tạm</i>
57	21180271	Nguyễn Trần Tiến	Đạt		<i>[Signature]</i>	8,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
58	21180272	Trần Văn	Đô		<i>[Signature]</i>	7,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
59	21180273	Trương Tiến	Dũng		<i>[Signature]</i>	8,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
60	21180275	Nguyễn Thanh	Dương		<i>[Signature]</i>	7,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
61	21180276	Lê Nguyễn Tường	Duy		<i>[Signature]</i>	8,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
62	21180277	Lê Thị Thùy	Duyên		<i>[Signature]</i>	8,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
63	21180395	Nguyễn Trung	Thông				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
64	21200069	Chế Hoàng	Duy		<i>[Signature]</i>	6,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
65	21200200	Nguyễn Nam	Sơn				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
66	21200275	Võ Thành	Danh		<i>[Signature]</i>	10,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
67	21200278	Nguyễn Tiến	Đạt		<i>[Signature]</i>	9,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Nguyễn Minh Anh Tuấn* Chữ ký: *[Signature]*Họ, tên: *Nguyễn Nhật Kim Ngân* Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên:

2) *Trần Văn Công* Chữ ký: *[Signature]*Chữ ký: *[Signature]*

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21CSH1**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm	+ 0.5	Ghi chú
1	1712692	Nguyễn Hoàng	Quân			8,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
2	1760396	Lê Đông	Quốc			1,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
3	18130042	Trần Đức	Duy			3,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
4	18130141	Nguyễn Mạc Mai	Thủy			7,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
5	18130165	Nguyễn Trường	Vũ			7,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
6	18140414	Phạm Ngọc Thuý	Vy			3,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
7	19120611	Nguyễn Thiện	Nhân			7,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
8	19140262	Nguyễn Quang	Tuấn			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
9	19140315	Nguyễn Thị Khánh	Chi			8,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
10	19140329	Vũ Hoàng	Diễm			9,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
11	21110458	Nguyễn Thái	Diễn			6,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
12	21120041	Dương Ngọc Thái	Bảo			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
13	21120050	Trương Tấn	Đạt			9,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
14	21120053	Lại Đức	Dũng			7,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
15	21120062	Trần Lê Giang	Hà				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
16	21120064	Lê Quốc	Hân			7,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
17	21120070	Nhan Hữu	Hiếu			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
18	21120078	Đỗ Nguyễn Khánh	Hưng			7,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
19	21120393	Nguyễn Hữu	Thương			7,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
20	21120413	Bùi Thiên	Bảo			8,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
21	21120481	Châu Hoàng	Khoa			8,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
22	21120587	Nguyễn Minh	Tuấn			8,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
23	21120603	Nguyễn Thị Hồng	Nhung			8,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
24	21120612	Nguyễn Minh	Thuận			6,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		
25	21180006	Nguyễn Hữu	An			6,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10		

Cán bộ coi thi

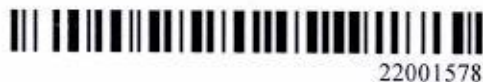
Họ, tên: 1) Điền Thị Tuyết Lan Chữ ký:
2) Nguyễn Đình Phương Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Nguyễn Nhật Kim Ngân
Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21CSH1**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vàng	Phân tổ điểm										+ 0.5	Ghi chú	
26	21180012	Trần Thị Kim	Anh			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
27	21180013	Vũ Thị Phương	Anh			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
28	21180014	Võ Hoàng Gia	Bào			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
29	21180015	Nguyễn Thị Thúy	Bình			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
30	21180020	Nguyễn Thân	Đắc			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
31	21180023	Trần Ngọc Kim	Dung			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
32	21180024	Đỗ Vũ Ánh	Dương			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
33	21180027	Phạm Thị Mỹ	Duyên			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
34	21180028	Trần Thị Mỹ	Duyên			5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
35	21180029	Lê Khả	Ghi			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
36	21180034	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hân			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
37	21180038	Trần Thu	Hằng			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
38	21180043	Phạm Huy	Hoàng			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
39	21180046	Nguyễn Khánh	Huy			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
40	21180047	Nguyễn Thu	Huyền			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
41	21180050	Mai Hoàng	Khanh			2,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
42	21180051	Nguyễn Phương	Khanh			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
43	21180057	Huỳnh Ngọc	Linh			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
44	21180059	Nguyễn Lê Giang	Linh			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
45	21180065	Hồ Thị Phương	Nga			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
46	21180067	Lê Thanh	Ngân			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
47	21180068	Nguyễn Vu Kim	Ngân			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
48	21180069	Phạm Hoàng Duy	Ngân			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
49	21180071	Nguyễn Trương Lễ	Nghi			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
50	21180077	Lê Hưng Thiện	Nhân			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Nguyễn Hồng Nhung* Chữ ký: *ng*
 2) *Nguyễn Đình Phương* Chữ ký: *ph*

Họ, tên: *Nguyễn Nhật Kim Ngân*
 Chữ ký: *ng*

Họ, tên:
 Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21CSH1**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										+ 0.5	Ghi chú
51	21180079	Âu Ngọc Yến	Nhi		Nhi	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
52	21180080	Doãn Ngọc Yến	Nhi		Yến	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
53	21180081	Hoàng Lê Uyên	Nhi		Nh	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
54	21180084	Nguyễn Hoàng Minh	Nhi		Minh	9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
55	21180091	Lê Thịnh	Phú		Thịnh	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
56	21180093	Nguyễn Bích	Phương		Phương	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
57	21180096	Nguyễn Ngọc Phương	Thúy		Thúy	9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
58	21180100	Nguyễn Như	Quỳnh		Như	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
59	21180104	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		Thanh	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
60	21180107	Đặng Lương	Tấn		Tấn	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
61	21180110	Trần Quốc	Thắng		Quốc	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
62	21180111	Phạm Huỳnh Phương	Thanh		Ph	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
63	21180113	Nguyễn Thị Thảo	Minh		Thảo	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
64	21180115	Trần Xuân Khánh	Thi		Kh	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
65	21180116	Dương Yến	Thư		Yến	5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
66	21180120	Nguyễn Tấn	Thuận		Tấn	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
67	21180121	Phạm Hoài	Thương		Ph	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) Đoàn Thị Tuyết Lan Chữ ký:

2) Nguyễn Văn Hoàng Nhung Chữ ký:

Họ, tên: Nguyễn Nhật Linh Ngân Chữ ký:

Họ, tên: _____

Chữ ký: _____



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21HOH2**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vàng	Phần tô điểm										+0.5	Ghi chú	
1	21140365	Lê Nguyễn Bảo	Khang			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
2	21140368	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Lan			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
3	21140369	Cao Tú	Linh			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
4	21140371	Trần Phương	Linh			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
5	21140372	Trần Thị Tú	Linh			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
6	21140373	Thái Thị Cẩm	Loan			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
7	21140374	Lý Hoàng	Long			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
8	21140375	Trần Giang Đức	Minh			4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
9	21140377	Bùi Thị Thanh	Ngân			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
10	21140378	Mai Thị Kim	Ngân			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
11	21140380	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
12	21140381	Nguyễn Thoại	Ngân			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
13	21140384	Đỗ Lê Bảo	Ngọc			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
14	21140385	Lương Như	Ngọc			4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
15	21140387	Trần Đông Trung	Nhân			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
16	21140388	Bùi Phương	Nhi			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
17	21140389	Nguyễn Thị Trúc	Nhi			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
18	21140393	Nguyễn Thị Huỳnh	Như			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
19	21140394	Lê Hoàng	Oanh			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
20	21140397	Trần Văn	Phú			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
21	21140399	Huỳnh Phương Song	Phụng			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
22	21140401	Nguyễn Lan	Phượng			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
23	21140404	Phạm Lục Phú	Quý			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
24	21140405	Nguyễn Thị Như	Quỳnh			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
25	21140406	Phạm Bá Minh	Sang			5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

Họ, tên: *Hà Thuý Hằng* Chữ ký: *me*
1).....
2).....
Chữ ký: *me*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Nguyễn Nhật Kim Ngân*
.....
Chữ ký: *ng*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/21-22

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **21HOH2**Ngày thi: **23/04/2022** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+ 0,5	Ghi chú	
26	21140408	Trần Nguyễn Tuệ	Tâm				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○		
27	21140409	Phan Duy	Thăng		Phan	7,0	○	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	○		
28	21140410	Phạm Trần Thiên	Thanh		Phạm	7,0	○	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	○		
29	21140411	Trần Xuân	Thao		Trần	9,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	●		
30	21140412	Hoàng Thị Thu	Thảo		Hoàng	9,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	○		
31	21140413	Nguyễn Phương	Thảo		Nguyễn	9,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	●		
32	21140414	Nguyễn Thu	Thảo		Nguyễn	7,0	○	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	○		
33	21140415	Võ Thị	Thảo		Võ	6,0	○	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	○		
34	21140417	Huỳnh Minh	Thiện		Huỳnh	8,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	●	8	9	10	○	
35	21140418	Nguyễn Đức Minh	Thông		Nguyễn	4,0	○	0	1	2	3	●	5	6	7	8	9	10	○		
36	21140419	Bùi Anh	Thư		Bùi	7,0	○	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	○		
37	21140420	Nguyễn Minh	Thư		Nguyễn	9,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	○		
38	21140421	Nguyễn Thị Anh	Thư		Nguyễn	7,5	○	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	●		
39	21140422	Nguyễn Thị Minh	Thư		Nguyễn	6,5	○	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●		
40	21140425	Phạm Nguyễn Cẩm	Tiên		Phạm	7,5	○	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	●		
41	21140426	Nguyễn Minh	Tiến		Nguyễn	8,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	●	8	9	10	●	
42	21140428	Huỳnh Ngọc	Trâm		Huỳnh	6,0	○	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	○		
43	21140429	Nguyễn Thị Thu	Trang		Nguyễn	10,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	●	10	○	
44	21140432	Vũ Thị Thùy	Trang		Vũ	6,5	○	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●		
45	21140433	Nguyễn Hồng	Triệu		Nguyễn	10,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	●	10	○	
46	21140434	Đinh Thị Ngọc	Trinh		Đinh	8,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	●	8	9	10	○	
47	21140435	Đoàn Đức	Trọng		Đoàn	8,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	●	8	9	10	●	
48	21140436	Trương Thanh	Trúc				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○		
49	21140437	Trương Thị Thanh	Trúc		Trương	8,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	●	8	9	10	○	
50	21140438	Nguyễn Văn Quốc	Tuấn		Nguyễn	10,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	●	10	○	

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) *Nguyễn Quốc Tuấn* Chữ ký: *Nguyễn Quốc Tuấn*
2) *Lê Duy* Chữ ký: *Lê Duy*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Nguyễn Nhật Lâm Hoàng
Chữ ký: *Nguyễn Nhật Lâm Hoàng*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký: